

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGÂN SƠN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 30-6-2020  
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Huyền.
2. Bà La Thị Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sinh Hà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên  
tòa:** Bà Hoàng Hải Trinh.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1982 - Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn (có mặt tại phiên tòa).
2. Bị đơn: Anh Chu Văn T, sinh năm 1976 - Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 03/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Triệu Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T kết hôn với anh Chu Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 02/02/2010. Trong quá trình chung sống, do chưa tìm hiểu kỹ nên không hợp nhau nên cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện và sử dụng chất ma túy, từ đó dẫn đến không có việc làm, thu nhập không ổn định, phụ thuộc vào gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Tuy anh T đã tự cai nghiện bằng nhiều cách, và đã đi cai nghiện tập trung một lần vào năm 2014. Dù chị T đã cho anh T nhiều cơ hội để sửa chữa sai lầm, tạo mọi điều kiện để

anh T cai nghiện nhưng vẫn không từ bỏ được ma túy. Do không chịu đựng được một người chồng như vậy nên đến ngày 01/5/2014, chị T đã đưa con về sống tại nhà mẹ đẻ của chị T và hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị T có 01 con chung là Chu Quỳnh M, sinh ngày 10/01/2013. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị T không yêu cầu anh Chu Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và giải quyết nợ chung: Chị T cho rằng hai bên không cso tài sản chung và nợ chung do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là anh Chu Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Văn T xác nhận quan hệ hôn nhân của hai người được xác lập như chị T đã trình bày. Anh xác định mình nghiện chất ma túy đã lâu, không có việc làm và thu nhập ổn định, hiện nay anh đang có hồ sơ uống Methadol để cai nghiện ma túy tại Bệnh viện huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Anh T không đồng ý ly hôn vì xác định vợ chồng anh vẫn còn tình cảm, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Anh T không thể bỏ vợ và con gái theo yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Vì không đồng ý ly hôn nên anh T không đặt vấn đề ai là người nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Anh T xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về giải quyết nợ chung: Anh T xác nhận và đồng ý với ý kiến của chị Triệu Thị T. Vợ chồng anh T không có nợ chung.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú của vợ chồng chị T và anh T thấy rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chị T, anh T có sống chung một thời gian ngắn tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn sau đó hai vợ chồng sống ly thân. Chị T đưa con về quê ngoại ở xã B, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn sinh sống, còn anh T sinh sống tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Hộ khẩu của gia đình anh Chu Văn T hiện nay chỉ có hai nhân khẩu là anh T (chủ hộ) và cháu gái có tên là Nghiêm Chu H (là con của chị gái anh T). Còn chị Triệu Thị T không đăng ký thường trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Do chị Triệu Thị T chỉ cư trú một thời gian ngắn tại gia đình nhà chồng ở thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn nên việc mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Triệu Thị T và anh Chu Văn T chủ yếu do hai vợ chồng tự giải quyết, Chính quyền địa phương chưa tiếp nhận giải quyết bằng một vụ việc cụ thể. Anh T là người nghiện chất ma túy đã lâu, hiện nay anh Chu Văn T đang

điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tại Cơ sở điều trị Methadone Bạch Thông thuộc Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn từ ngày 21/5/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng hai bên đương sự không thống nhất được toàn bộ các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Tại phiên tòa, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và không thỏa thuận được với nhau.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị T về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” với anh Chu Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Chu Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Chu Quỳnh M cho chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. Về nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
6. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ lời khai của các đương sự trong vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã thực hiện việc thu thập chứng cứ phục vụ cho việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật qua việc nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

## [2] Về quan hệ tranh chấp:

### 2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Triệu Thị Tiếp và anh Chu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, vì vậy Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị T và anh Chu Văn T là hợp pháp. Tuy nhiên, qua việc xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án, Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi kết hôn và chung sống một khoảng thời gian ngắn với nhau tại gia đình nhà chồng thuộc thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn nhưng chị Triệu Thị T không cắt, chuyển hộ khẩu để nhập khẩu vào gia đình nhà chồng mà vẫn giữ hộ khẩu của chị T tại nhà bố mẹ đẻ thuộc thôn A, xã B, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Đến ngày 01/5/2014, chị T cùng con về sống tại nhà mẹ đẻ của chị T tại thôn A, xã B, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn và hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân ly thân, mâu thuẫn là do anh T nghiện chất ma túy đã lâu, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, thường xuyên không quan tâm, chăm sóc gia đình. Hiện nay anh Chu Văn T đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tại Cơ sở điều trị Methadone Bạch Thông thuộc Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn từ ngày 21/5/2017. Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị Triệu Thị T yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với anh Chu Văn T là có căn cứ. Vì vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện tuyên xử chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Chu Văn T.

### 2.2. Về quan hệ nuôi con chung:

Quá trình chung sống, vợ chồng chị Triệu Thị T và anh Chu Văn T có một con chung là cháu Chu Quỳnh M, sinh ngày 10/01/2013 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Ly hôn với anh T, chị T có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M. Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy chị T hiện đang có công việc ổn định là công nhân với thu nhập ổn định hàng tháng. Con chung của chị T và anh T là cháu Chu Quỳnh M hiện đang sống cùng chị T tại nhà mẹ đẻ của chị T ở thôn A, xã B, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Tuy làm công nhân nhưng hàng tháng chị T vẫn đi lại thăm nom con thường xuyên và gửi tiền về để nuôi con, ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã lấy ý kiến của cháu Chu Quỳnh M thì cháu M cũng có nguyện vọng là được ở với mẹ đẻ của mình là chị Triệu Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho chị T

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với sự phát triển tâm, sinh lý và đảm bảo điều kiện phát triển bình thường của cháu Chu Quỳnh M.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

2.4. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Triệu Thị T đối với bị đơn Chu Văn T về việc: *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”*.

Tuyên xử: Chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Chu Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Chu Quỳnh M, sinh ngày 10/01/2013 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho chị Triệu Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Chu Quỳnh M đủ 18 tuổi.

Anh Chu Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

4. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Nguyên đơn Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 08135, ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn. Xác nhận chị Triệu Thị T đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự*

*nguyên thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thái Công**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Huyền**

**La Thị Nhung**

**Nguyễn Thái Công**

